TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 3 năm 2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
Mã vụ việc: 031172589

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Như Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Tiến,

Bà Vũ Thị Lại

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tô Đình Phúc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cát Hải;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải tham gia phiên tòa: Ông Vũ Huy Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 về Ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992, nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Tiến T1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Tiến T1 đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện C, thành phố Hải Phòng vào tháng 9 năm 2014 trên cơ sở hoàn toàn

tự nguyện. Trong quá trình chung sống hai bên hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và cách sống của hai bên khác biệt nhau, trong cuộc sống không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã làm cho gia đình luôn căng thẳng. Anh T1 thường xuyên chơi bời, nghiện ngập, không quan tâm đến vợ con và gia đình. Tôi cùng hai con đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại Thanh Hoá để sinh sống và vợ chồng tôi ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay. Hiện nay, tình cảm giữa hai bên đã không còn, kể từ khi ly thân đến nay hai bên không thường xuyên liên lạc, không ai còn quan tâm đến ai, do đó chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cát Hải giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Yến N sinh ngày 02/3/2015 và cháu Đỗ Khánh L, sinh ngày 15/7/2016. Do các cháu là con gái, lại sống chung cùng mẹ từ bé đến nay, bố không có công việc ổn định, thường xuyên chơi bời, không quan tâm vợ con, nên chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi đưỡng con chung, Về cấp dưỡng nuôi con chị xin tự thỏa thuận với anh T1 mà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh T1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ ở địa phương và gia đình qua các thông tin của chính quyền địa phương thể hiện: Chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào ngày 05/9/2014. Trong qua trình chung sống hai bên đương sự phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và cách sống khác biệt nhau, trong cuộc sống không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã vì bất đồng quan điểm sống. Hiện nay anh T1 và chị T đã sống ly thân từ nhiều tháng nay. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T và anh T1 có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Yến N sinh ngày 02/3/2015 và cháu Đỗ Khánh L, sinh ngày 15/7/2016, hiện nay các cháu đang sống với mẹ tại gia đình bên ngoại. Anh T1 không có công việc ổn định, không có thu nhập, chị T hiện đang là công nhân, thu nhập hàng tháng khoảng 10 triệu đồng.

Tòa án nhân dân huyện Cát Hải đã nhiều lần triệu tập bị đơn, nhưng bị đơn đều vắng mặt, không có lý do, không có ý kiến gửi đến Toà án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và được nuôi con chung. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải phát biểu ý kiến như sau:

Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước

thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã tuân thủ nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ yêu cầu của Tòa án vi phạm các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T về việc ly hôn và nuôi con chung

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án về Ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án. Trong đó bị đơn có nơi cư trú tại xã V, huyện C, thành phố Hải Phòng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải.

[2] Về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án: Về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án: Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án, thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

[3] Về quan hệ vợ chồng: Chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đây là quan hệ hôn nhân phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống do hai bên có những bất đồng quan điểm sống, do tính cách sống của hai vợ chồng không có điểm chung nên giữa hai bên đã phát sinh mẫu thuẫn trong gia đình, không còn quan tâm đến nhau. Khi quan hệ vợ chồng xảy ra mâu thuẫn tuy nhiều lần được gia đình hòa giải nhưng không thành. Hai bên sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập phiên hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn đều cố ý không đến Tòa án, thể hiện việc không hợp tác đối với Tòa án, không thể hiện quan điểm đối với hôn nhân của chính mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là Đỗ Thị Yến N sinh ngày 02/3/2015 và Đỗ Khánh L, sinh ngày 15/7/2016. Nguyên đơn có yêu cầu được

trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T và anh T1 đã sống ly thân nhiều năm nay. Chị T sống cùng các con chung từ nhỏ đến thời điểm xét xử, trong quá trình sống ly thân anh T1 không liên lạc, thăm nom, chăm sóc con chung. Chị T hiện đang làm công nhân, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng, sống cùng bố mẹ, các con chung đều là con gái và có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy việc giao các con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với sự phát triển toàn diện của trẻ. Căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về con chung của nguyên đơn. Về việc cấp dưỡng nuôi con, các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, chị T được ly hôn với anh Đỗ Tiến T1.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Đỗ Thị Yến N, sinh ngày 02/3/2015 và Đỗ Khánh L, sinh ngày 15/7/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về pháp luật; về cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình *(nếu có)* không được cản trở người

không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải theo biên lai thu tiền số 0007202 ngày 29 tháng 12 năm 2023. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- UBND xã V, huyện C
(Đăng ký kết hôn ngày 05/9/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Như Quỳnh